

MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

HUỶNH VĂN SƠN*, HOÀNG VĂN CẦN*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả khảo sát mức độ đáp ứng về kiến thức và kỹ năng của GVMN (GVMN) tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) hiện nay. Kết quả cho thấy mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cần có ở GVMN tại TPHCM chỉ đạt mức trung bình khá.

Từ khóa: mức độ đáp ứng, kiến thức, kỹ năng, giáo viên mầm non, kỹ năng của giáo viên mầm non.

ABSTRACT

The level of knowledge and skills of preschool teachers in Ho Chi Minh City today

The article presents the results from the survey of the level of knowledge and skills of preschool teachers in Ho Chi Minh today. The result shows that preschool teachers in Ho Chi Minh City only meet the requirement of knowledge, professional skills and soft skills at an average or higher level.

Keywords: level, knowledge, skills, preschool teacher, skills of preschool teachers.

1. Đặt vấn đề

Thế kỉ XXI là thế kỉ với rất nhiều sự thay đổi diễn ra hàng ngày trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, sự phát triển của khoa học đã mang lại cho con người một cuộc sống hiện đại và đáp ứng ngày càng cao những nhu cầu về vật chất cũng như tinh thần. Tuy nhiên, xã hội phát triển cũng đặt con người trước hàng loạt những thách thức trong công việc và cuộc sống. Lí thuyết về dự báo nhu cầu giáo dục mầm non (GDMN) cho phép đưa ra những dự báo nhằm chuẩn bị GVMN đáp ứng nhu cầu của GDMN trong thực tiễn nói chung và thực tế GDMN ở TPHCM nói riêng.

Kiến thức và kỹ năng là hai mặt quan trọng trong việc phát triển GVMN

[3]. Việc xem xét mức độ đáp ứng về hai mặt này của GVMN đóng một vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ bức tranh về thực lực hiện có của đội ngũ này. Vấn đề phát triển GVMN hiệu quả cần được nhìn nhận trên nhiều tiêu chí. Thế nhưng, những cơ sở quan trọng như: thực lực đào tạo - bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, nhu cầu thực sự của ngành GDMN Thành phố cũng như sự mong mỏi của phụ huynh, ban giám hiệu nhà trường, những định hướng phát triển GDMN của TPHCM trở thành những yêu cầu cần được xem xét để định hướng phát triển nguồn nhân lực cho GDMN mà cụ thể là đội ngũ GVMN của TPHCM. Đặc biệt, sự đánh giá mức độ đáp ứng về kiến thức và kỹ năng của GVMN tại TPHCM

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: sonhuynts@gmail.com

từ phía nhà quản lý và phụ huynh cũng như giáo viên là những con số cần nhìn nhận để có những giải pháp phù hợp.

2. Nội dung

Hiện nay, ở TPHCM, đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), GVMN có tổng số 20.669 người, trong đó CBQL là 2.125 người (công lập: 1.179, ngoài công lập: 946) và giáo viên là 18.544 người (công lập: 9.076, ngoài công lập: 9.468). Để đảm bảo chất lượng khảo sát sâu sát nhất

đến từng khách thể nghiên cứu, chúng tôi tiến hành khảo sát trên ba nhóm khách thể, bao gồm 240 khách thể thuộc nhóm ban giám hiệu và CBQL GDMN, 435 GVMN và 1210 phụ huynh của trẻ mầm non (MN). Tỷ lệ này tương đối phù hợp và có ý nghĩa về mặt thống kê toán học. Số liệu nghiên cứu được tiến hành từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 5 năm 2014.

2.1. Thực trạng về một số kiến thức của GVMN tại TPHCM (xem bảng 1)

Bảng 1. Thực trạng mức độ đáp ứng về một số kiến thức của GVMN tại TPHCM

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG (%)					Điểm trung bình		
		(Số liệu trên CBQL)					(ĐTB)		
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	CBQL	Giáo viên	Phụ huynh
1	Kiến thức về tâm sinh lý trẻ MN	13 (5,4)	83 (34,6)	144 (60,0)	0	0	3,45	3,56	3,35
2	Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ MN	14 (5,8)	73 (30,4)	153 (63,8)	0	0	3,42	3,89	3,52
3	Kiến thức về GDMN, gồm giáo dục hòa nhập trẻ tàn tật, khuyết tật	19 (7,9)	77 (32,1)	135 (56,3)	4 (1,7)	0	3,40	3,78	3,40
4	Kiến thức về mục tiêu, nội dung chương trình GDMN	47 (19,6)	69 (28,8)	119 (49,6)	5 (2,1)	0	3,66	4,00	3,56
5	Kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ MN	19 (7,9)	81 (33,8)	140 (58,3)	0	0	3,50	4,00	3,58
6	Kiến thức về an toàn, phòng tránh và xử lý ban đầu tai nạn thường gặp ở trẻ MN	24 (10)	74 (30,8)	142 (59,2)	0	0	3,51	3,89	3,61
7	Kiến thức về vệ sinh cá nhân, môi trường và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ MN	14 (7,9)	31 (12,9)	190 (79,2)	0	0	3,18	3,90	3,32

8	Kiến thức về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, giáo dục dinh dưỡng trẻ MN	19 (7,9)	36 (15,0)	185 (77,1)	0	0	3,31	3,88	3,45
9	Kiến thức về sự phát triển thể chất của trẻ MN	19 (7,9)	36 (15,0)	185 (77,1)	0	0	3,31	3,70	3,42
10	Kiến thức về hoạt động vui chơi của trẻ MN	33 (13,8)	35 (14,6)	167 (69,6)	5 (2,1)	0	3,40	4,00	3,23
11	Kiến thức về tạo hình, âm nhạc và văn học của trẻ MN	14 (5,8)	107 (44,6)	119 (49,6)	0	0	3,57	4,00	4,00
12	Kiến thức về môi trường tự nhiên, xã hội và phát triển ngôn ngữ của trẻ MN	28 (11,7)	82 (34,2)	125 (52,1)	0	0	3,51	3,95	4,00

Bảng 1 cho thấy trong 10 nội dung liên quan đến một số kiến thức của GVMN thì chỉ có 5/12 nội dung được CBQL đánh giá ở mức độ đáp ứng khá với ĐTB trên 3,51, những nội dung còn lại đều dao động từ 3,18 đến 3,45 rơi vào mức đáp ứng trung bình. Cụ thể 5 nội dung ở mức khá như sau:

- Nội dung “Kiến thức về mục tiêu, nội dung chương trình GDMN” với ĐTB cao nhất là 3,66 (19,6% đáp ứng ở mức tốt và 28,8% đáp ứng ở mức khá). Chương trình GDMN là căn cứ để triển khai và chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN của cả nước, đồng thời là căn cứ để đào tạo bồi dưỡng GVMN, tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN có chất lượng. GDMN là bộ phận trong hệ thống giáo dục quốc dân. GDMN thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tháng tuổi (Điều 21 - Luật Giáo dục, 2005). Mục tiêu của

GDMN là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp 1 (Điều 22 - Luật Giáo dục, 2005). Đây là nội dung cơ bản, kiến thức cơ bản mà bất kỳ ai tham gia công tác GDMN đều phải biết. Nó là kim chỉ nam cho mọi hoạt động và phương pháp của GVMN.

- Nội dung “Kiến thức về tạo hình, âm nhạc và văn học của trẻ MN” với ĐTB là 3,57 (5,8% đáp ứng ở mức tốt và 44,6% đáp ứng ở mức khá) ở vị trí thứ hai. Đây cũng là một trong những kiến thức rất quan trọng để GVMN có thể giáo dục trẻ một cách hiệu quả. Với trẻ MN, những yếu tố này giống như “môn học chính” của trẻ. GVMN sẽ là người giúp trẻ cảm nhận được vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. Có nhu cầu, hứng thú khi tham gia vào các hoạt động hát, múa, vận động theo nhạc, đọc thơ, kể chuyện, đóng kịch... và biết thể hiện cảm xúc sáng tạo

thông qua các hoạt động đó. Điều này kích thích sự phát triển nhận thức, tình cảm và hình thành các nguyên tắc ứng xử khi tham các hoạt động này cùng bạn bè.

- Nội dung “Kiến thức về an toàn, phòng tránh và xử lý ban đầu tai nạn thường gặp ở trẻ MN” và nội dung “Kiến thức về môi trường tự nhiên, xã hội và phát triển ngôn ngữ của trẻ MN” đều có ĐTB là 3,51, vừa đạt mức độ đáp ứng khá. Những nội dung này cũng là một trong những nghiệp vụ giúp giáo viên thực hiện được mục tiêu GDMN. Đơn cử như: Phát triển ngôn ngữ cho trẻ cuối tuổi mẫu giáo, trẻ có khả năng nghe và hiểu được lời nói trong giao tiếp; có khả năng diễn đạt bằng lời nói rõ ràng để thể hiện ý muốn, cảm xúc, tình cảm của mình và của người khác; có một số biểu tượng về việc đọc và việc viết để vào học lớp 1. Bên cạnh đó, trẻ MN là giai đoạn ham thích khám phá và tìm hiểu môi trường xung quanh. Chính vì vậy, trẻ có thể bị tai nạn ngoài ý muốn do sự tinh nghịch và năng động của bản thân mình nếu GVMN không hiểu và làm chủ công việc.

Những nội dung này đều được CBQL đánh giá ở mức đáp ứng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Nói khác đi, số liệu đánh giá cho thấy vẫn chưa đủ để đáp ứng mong đợi về một GVMN trong nhu cầu thực tiễn [3] [2]. 7 nội dung còn lại được CBQL đánh giá chỉ đáp ứng ở mức trung bình lần lượt được xếp theo thứ tự ĐTB từ cao đến thấp như sau:

- Nội dung “Kiến thức về tâm sinh lý trẻ MN”, ĐTB = 3,45.

- Nội dung “Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ MN”, ĐTB = 3,42.

- Nội dung “Kiến thức về GDMN, gồm giáo dục hòa nhập trẻ tàn tật, khuyết tật”, ĐTB = 3,40.

- Nội dung “Kiến thức về hoạt động vui chơi của trẻ MN”, ĐTB = 3,40.

- Nội dung “Kiến thức về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, giáo dục dinh dưỡng trẻ MN”, ĐTB = 3,31.

- Nội dung “Kiến thức về sự phát triển thể chất của trẻ MN”, ĐTB = 3,31.

- Nội dung “Kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ MN”, ĐTB=3,18.

GVMN có xu hướng đánh giá cao ở tất cả nội dung đều ở mức đáp ứng khá. Tuy nhiên, số liệu phụ huynh lại cho thấy rằng họ có sự đánh giá tương đồng với CBQL, làm rõ hơn tính khách quan của cuộc khảo sát. GVMN không chỉ chăm sóc trẻ bằng tình thương, bằng lòng yêu nghề, mến trẻ, cần không ngừng trau dồi thêm kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy để có thể truyền lại cho những học sinh của mình một cách tốt nhất [1] [2]. Kiến thức là yếu tố đầu tiên trong năng lực mà GVMN phải có. Làm chủ được kiến thức nghề nghiệp, giáo viên mới có thể khơi gợi được ở trẻ sự say mê, phát huy tính tích cực chủ động trong học tập, vừa dạy trẻ kiến thức, vừa dạy trẻ đạo đức làm người, vừa cung cấp cho trẻ những kiến thức đạt chuẩn theo 5 lĩnh vực phát triển là: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tình cảm – kỹ năng xã hội theo mục tiêu của GDMN hiện nay.

2.2. Thực trạng một số kỹ năng của GVMN tại TPHCM (xem bảng 2)

Bảng 2. Thực trạng mức độ đáp ứng một số kỹ năng của GVMN tại TPHCM

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG (%) (Số liệu trên CBQL)					Điểm trung bình		
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	CB QL	Giáo viên	Phụ huynh
1	Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ	28 (11,7)	97 (40,4)	115 (47,9)	0	0	3,64	3,74	3,54
2	Chăm sóc sức khỏe cho trẻ	42 (17,5)	88 (36,7)	110 (45,8)	0	0	3,72	3,87	3,76
3	Quản lý lớp học ổn định, nề nếp	50 (20,8)	71 (29,6)	114 (47,5)	5 (2,1)	0	3,69	3,86	3,58
4	Giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh, cộng đồng	14 (5,8)	97 (40,4)	129 (53,8)	0	0	3,52	3,58	3,42
5	Giải quyết vấn đề	28 (11,7)	82 (34,2)	130 (54,2)	0	0	3,58	3,90	3,60
6	Ứng phó với căng thẳng	28 (11,7)	48 (20,0)	164 (68,3)	0	0	3,43	3,40	3,40
7	Quản lý cảm xúc	37 (15,4)	67 (27,9)	136 (56,7)	0	0	3,59	3,80	3,69
8	Làm việc nhóm	13 (5,4)	76 (31,7)	151 (62,9)	0	0	3,43	3,80	3,57
9	Tổ chức và thực hiện công việc khoa học	4 (1,7)	42 (17,5)	194 (80,8)	0	0	3,29	3,90	3,40
10	Tư duy sáng tạo	9 (3,8)	45 (18,8)	186 (77,5)	0	0	3,26	3,56	3,40

Bảng 2 cho thấy có 6/10 nội dung liên quan đến một số kỹ năng của GVMN tại TPHCM đạt được mức độ đáp ứng khá, có ĐTB từ 3,52 đến 3,73. Có thể phân tích cụ thể như sau:

- Nội dung “Chăm sóc sức khỏe cho trẻ” với ĐTB là 3,72 (17,5% mức độ đáp ứng tốt và 36,7% mức độ đáp ứng khá). Để duy trì chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ tại các trường MN đòi hỏi không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn phải quan tâm chăm sóc tốt hơn vấn đề sức khỏe cho trẻ. Hiện nay, tình trạng trẻ

béo phì hoặc suy dinh dưỡng không ngừng tăng do phụ huynh chưa có sự hiểu biết và phương pháp chăm sóc trẻ khoa học. GVMN cần phối hợp với cán bộ y tế học đường xây dựng kế hoạch can thiệp hợp lý với trẻ béo phì hoặc suy dinh dưỡng để có chế độ chăm sóc riêng. Kết quả phỏng vấn CBQL K.H. cho biết: “Hàng tháng, trường đều tiến hành cân đo và vào biểu mẫu cho trẻ đồng thời theo dõi trẻ béo phì, suy dinh dưỡng hoặc trẻ có những biểu hiện đau, ốm để chăm sóc và tư vấn cho các bậc phụ huynh. Với

việc chăm sóc sức khỏe cho các cháu được nâng cao, mỗi năm trường chỉ có dưới 10 cháu bị ốm bất thường và được chăm sóc tại trường. Số các em vui chơi, nô đùa để xảy ra chấn thương hay ngộ độc vệ sinh an toàn thực phẩm gần như không có. Thành tích này phải kể đến sự cố gắng của GVMN với từng trẻ”.

- Kế tiếp là nội dung “Quản lí lớp học ổn định, nề nếp” với ĐTB là 3,69 (20,8% đáp ứng ở mức độ tốt và 29,6% đáp ứng ở mức độ khá) và nội dung “Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ” với ĐTB là 3,64 (11,7% đáp ứng ở mức độ tốt và 40,4% đáp ứng ở mức độ khá). Mô hình nhân cách GVMN giai đoạn đổi mới hiện nay không thể thiếu các kĩ năng này. Việc sử dụng thuần thục kĩ năng này giúp GVMN thu thập các thông tin và tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ một cách kịp thời, tạo điều kiện thực thi các nhiệm vụ giáo dục có hiệu quả. Sinh viên cần phải được đào tạo kĩ năng này một cách chuyên sâu tại trường Sư phạm.

- Kế tiếp là ba nội dung có mối quan hệ khá gần nhau đều đạt ĐTB xấp xỉ nhau: Nội dung “Quản lí cảm xúc” (ĐTB = 3,59), “Giải quyết vấn đề” (ĐTB = 3,58), “Giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh, cộng đồng” (ĐTB = 3,52). Công tác chăm sóc giáo dục trẻ đòi hỏi giáo viên phải có những khả năng liên quan đến cảm xúc, phải hiểu chính mình, khéo léo thể hiện cảm xúc, tình cảm để tạo nên hiệu quả giáo dục. Những căng thẳng, áp lực lớn GVMN gặp phải nêu biết sử dụng trí tuệ cảm xúc tức biến những cảm xúc thành trí thông minh phục vụ cho công việc sẽ tạo động lực và

tình yêu nghề của giáo viên. Để làm được việc này, mỗi giáo viên cần phải là tấm gương, là hình mẫu trước trẻ. GVMN có thể áp dụng một số phương thức rèn luyện kĩ năng bằng việc nhanh chóng giảm áp lực, giải tỏa căng thẳng, tăng cường các hình thức giao tiếp không lời, sử dụng sự hài hước hay nghệ thuật hoặc qua trò chơi... Không những với trẻ, mối quan hệ với phụ huynh và các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với đồng nghiệp cần sự linh hoạt ứng xử và giải quyết. Kĩ năng giải quyết vấn đề ở mức khá cho thấy những yếu tố này là ưu điểm của giáo viên TPHCM hiện nay. Cũng lưu ý là vẫn còn đến 54,2% đáp ứng ở mức trung bình trong kĩ năng giải quyết vấn đề, 56,7% trong kĩ năng quản lí cảm xúc và 53,8% trong kĩ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh, cộng đồng. Trên bình diện chung những kĩ năng này đạt mức khá nhưng không thể chủ quan mà cần tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng để GVMN hoàn thiện mình hơn.

Cuối cùng, có bốn kĩ năng chỉ đạt được mức trung bình: “Ứng phó với căng thẳng” (ĐTB = 3,43), “Làm việc nhóm” (ĐTB = 3,43), “Tư duy sáng tạo” (ĐTB = 3,26), “Tổ chức và thực hiện công việc khoa học” (ĐTB = 3,29). Thực tế cho thấy người thành đạt chỉ có 25% là do những kiến thức chuyên môn, 75% còn lại được quyết định bởi những kĩ năng mềm họ được trang bị. Đây là ba kĩ năng mềm cơ bản thúc đẩy quá trình tương tác với các mối quan hệ và giúp giáo viên có thể thực hiện công việc một cách mới mẻ, đáp ứng với những đổi mới liên tục từ giáo dục cũng như từ xã hội. Những kĩ

năng mềm này chỉ ở mức đáp ứng trung bình là điều đáng lo ngại. Bởi không thay đổi để thích nghi kịp thời với yêu cầu mới của xã hội thì GVMN sẽ lạc hậu, hiệu quả trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ không đạt mức tối ưu. Trong chuẩn đánh giá GVMN hiện nay, yêu cầu về hệ thống kỹ năng mềm chưa được đề cập một cách riêng biệt và sâu sắc. Kỹ năng mềm có mối quan hệ mật thiết với kỹ năng sống. Muốn giáo dục kỹ năng sống tốt cho trẻ MN thì việc phát triển kỹ năng mềm cho GVMN là điều tất yếu.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiện nay, mức độ đáp ứng về kiến thức và kỹ

năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cần có ở GVMN tại TPHCM chỉ đạt mức trung bình khá. Chính vì vậy, cần có những chính sách trong phương án đào tạo và bồi dưỡng GVMN để cải thiện các hệ thống kỹ năng này, đặc biệt là hệ thống kỹ năng mềm phù hợp với đặc trưng nghề nghiệp của GVMN. Với vai trò là một trong những thành phố đi đầu cả nước về giáo dục, TPHCM cần tích cực hơn trong việc không ngừng nâng cao kiến thức cho GVMN. Điều này trước tiên cần xuất phát từ chương trình đào tạo GVMN và sau đó là thông qua các chương trình bồi dưỡng GVMN thường xuyên, liên tục cần được quan tâm, cải thiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Ngọc Chúc (2012), *Xây dựng tiêu chí đánh giá, thẩm định chất lượng các nhóm lớp Mầm non tư thục tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, Đề tài cấp Cơ sở, Sở KH & CN TPHCM.
2. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục*, Dành cho học viên cao học ngành Quản lý giáo dục Trường Đại học Sư phạm TPHCM, Tài liệu lưu hành nội bộ.
4. Han, Ki - Soon (2007), *The possibilities and Limitations of gifted education in Korea: A look at the ISEP Scien - Gifted Education Center, Department of Education*, Seou National University.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-6-2015; ngày phản biện đánh giá: 09-7-2015; ngày chấp nhận đăng: 16-7-2015)